

Bản án: 137/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2019

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Bình**;
2. Ông **Nguyễn Quốc Thanh**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phùng L, sinh năm 1990; nơi cư trú: số 246, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm 1985; nơi cư trú: số 203, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt, riêng ông L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà L trình bày: Bà L và ông L tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân do ông L không lo cho cuộc sống vợ, con và vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bà L và ông L sống ly thân được 01 năm. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, hai người có 02 con chung tên Trương Thị Ngọc L, sinh ngày 22/05/2014 và Trương Thị Ngọc P, sinh ngày

09/4/2012. Con chung hiện nay do bà L nuôi dạy, khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông L vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án nên Tòa án ghi nhận sự vắng mặt ông L và không tiến hành hòa giải được.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản làm việc ngày 21/02/2019 được bà Hồ Thị X và bà Lương Thị S cùng cho biết: Bà X là mẹ ruột của ông Trương Văn L, còn bà S là mẹ của bà Trần Thị Phùng L. Ông L và L tự tìm hiểu và sống chung như vợ chồng, gia đình hai bên không tổ chức đám cưới. Hiện nay ông L và bà L đã không còn sống chung khoảng 01 năm. Việc mâu thuẫn giữa ông L và bà L gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Ngoài ra, bà X còn cho biết con chung của L và L hiện nay do bà L nuôi dạy. Tòa án có gửi giấy mời cho ông L thì bà X có liên lạc với ông L nhưng ông L bận đi làm nên không về được. Sự việc ly hôn bà L nộp đơn ông Lợm có nói với bà X đồng ý ly hôn với bà L. Về các yêu cầu khác ông Lợm cũng thống nhất theo yêu cầu bà L.

Tại biên bản xác minh ngày 21/02/2019 được ông Huỳnh Văn N – Phó trưởng ấp P cho biết: Ông Trương Văn L là chồng của bà Trần Thị Phùng L, hiện nay ông L còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Ông L và bà L đã ly thân hơn 01 năm nay. Hiện nay ông L đi làm thuê, vài tháng về thăm nhà một lần.

Tại Phiên Tòa bà L bảo lưu ý kiến. Riêng ông L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông L theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Bà L, ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 09/07/2012. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa bà L và ông L không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung Trương Thị Ngọc L, sinh ngày 22/05/2014 và Trương Thị Ngọc P, sinh ngày 09/4/2012. Con chung hiện nay do bà L nuôi dạy, khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy con chung hiện do bà L nuôi dạy, ông L không tranh chấp con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của

con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà L tiếp tục nuôi con chung là phù hợp tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Qua hòa giải và tại phiên tòa, ông L vắng mặt nên chưa xác định ông L có yêu cầu về việc nuôi dạy con chung hay không, nếu sau này ông L có yêu cầu thì ông L sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu, sau này ông L có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Phùng L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết về việc hôn nhân, nuôi con chung với ông Trương Văn L, đồng thời bị đơn cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông L tự tìm hiểu, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 09/07/2012 theo quy định, được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà L, ông L đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên có đứng ra hòa giải nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà L và ông L đã đến mức trầm trọng nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà L, ông L có 02 con chung tên Trương Thị Ngọc L, sinh ngày 22/05/2014 và Trương Thị Ngọc

P, sinh ngày 09/4/2012. Con chung hiện nay do bà L nuôi dạy, khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Theo lời trình bày bà L, từ khi ly thân đến nay cháu L và cháu P sống chung với bà L, lời trình bày của bà L phù hợp với lời trình bày của bà X (mẹ ông L). Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên để cháu L và cháu P tiếp tục sống chung với bà L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà L không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này ông L, bà L có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Phùng L.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Phùng L được ly hôn với ông Trương Văn L.

Về con chung: Bà L có 02 con chung tên Trương Thị Ngọc L, sinh ngày 22/05/2014 và Trương Thị Ngọc P, sinh ngày 09/4/2012. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị Phùng L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Trần Thị Phùng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010883 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (bà L đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên

án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

(Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 09/7/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp không còn giá trị pháp luật kể từ ngày án có hiệu lực theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phượng